

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN**

Năm báo cáo: 2012

I/ Thông tin chung:

1/ Thông tin khái quát

- +/ Tên Công ty : Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô -VINACOMIN
- +/ Tên giao dịch quốc tế : VINACOMIN MOTOR INDUSTRY JOINT STOCK COMPANY
- +/ Tên viết tắt : VMIC
- +/ Mã chứng khoán : VMA

Logo



+/ Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh: số 5700353722 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần 5 ngày 05 tháng 7 năm 2012.

+/ Địa chỉ:

- ✓ Trụ sở chính : Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- ✓ Điện thoại : (84.33) 3865 286 Fax: (84.33) 3862 398
- ✓ Website : www.vmicauto.vn Email : vmicauto@yahoo.com.vn

+/ Vốn điều lệ : 27.000.000.000 (Hai mươi bảy tỷ) đồng

2. Quá trình hình thành phát triển

- Việc thành lập: Công ty thành lập ngày 01 tháng 08 năm 1960
- Chuyển đổi sở hữu: Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần ngày 22 tháng 01 năm 2008.
- Niêm yết: Công ty chưa niêm yết
- Các sự kiện khác

3. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

- + Sản xuất, lắp ráp xe ô tô vận tải, xe ô tô chuyên dùng, xe ô tô du lịch.
- + Sửa chữa, cải hoán, bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô các loại, xe máy thi công, thiết bị mỏ, thiết bị năng lượng, thiết bị khoáng sản.
- + Chế tạo thiết bị, chế tạo, phục hồi vật tư phụ tùng.
- + Sản xuất các loại sản phẩm kết cấu cơ khí.
- + Chế tạo, sửa chữa các thiết bị sàng tuyển.
- + Xây lắp các công trình công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp.

1/

- + Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phụ tùng hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống.
- + Dịch vụ tư vấn kỹ thuật chuyên ngành ô tô.
- Địa bàn kinh doanh: Chủ yếu trên tỉnh Quảng Ninh và các cả nước (khi có yêu cầu của khách hàng)

4. Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị :

- + Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên.
- + Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên.
- + Ban Giám đốc điều hành: 01 Giám đốc Công ty điều hành chung, 01 Phó Giám đốc phụ trách sản xuất, an toàn, kỹ thuật, đời sống ; 01 Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh kinh tế ; 01 Kế toán trưởng.

+ Các phân xưởng, phòng ban: 1 phòng, 07 phân xưởng và 01 đội

- Các phòng ban Công ty:

- | | |
|--|---------------------------------|
| 1- Văn phòng | 6- Phòng An toàn – MT-CN |
| 2- Phòng Kế hoạch đầu tư và kiểm soát chi phí (KIDZ) | 7- Phòng Bảo vệ - Thanh tra- KT |
| 3- Phòng Vật Tư | 8- Phòng KCS |
| 4- Phòng Tổ chức lao động - Y tế | 9- Phòng Kinh doanh tổng hợp |
| 5- Phòng Kỹ thuật | 10- Phòng Kế toán thống kê |
| | 11- Phòng DKSX |

- Các Phân xưởng:

- | | |
|-----------------------------------|----------------------------|
| 1- Phân xưởng Sửa chữa ô tô | 5- Phân xưởng Kết cấu |
| 2- Phân xưởng Động cơ và thủy lực | 6- Phân xưởng Lắp ráp ô tô |
| 3- Phân xưởng Cơ khí | 7- Phân xưởng Cơ điện |
| 4- Phân xưởng Khung vỏ | 8- Đội bảo hành sản phẩm |
- Công ty có 01 chi nhánh tại Hà Nội (không có công ty con)

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của công ty: Công ty chủ yếu là lắp ráp các loại xe ô tô tải và sửa chữa các loại xe tải nặng (55-100 tấn), chế tạo phục hồi thiết bị phục vụ ngành than
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Chiến lược phát triển của Công ty chủ yếu vẫn tập trung vào việc sửa chữa xe tải nặng đại xa siêu trường siêu trọng, các loại xe trung xa, chế tạo và phục hồi các sản phẩm cơ khí phục vụ cho các công ty khai thác Mỏ. Xây dựng thương hiệu của công ty về sửa chữa, chế tạo phục hồi thiết bị cho khai thác Mỏ lộ thiên và khai thác Hàm lộ nhằm mục tiêu đảm bảo chất lượng và hiệu quả.
- Trong hoạt động thực hiện công tác môi trường theo quy định, phối hợp hỗ trợ lẫn nhau hài hoà với địa phương.

II/ Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động SXKD

Năm 2012 kinh tế trong nước nhiều biến động, SXKD có nhiều yếu tố khách quan ảnh hưởng mạnh đến hoạt động SXKD công ty. Công ty thực hiện cơ bản các chỉ tiêu chính kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Doanh thu năm 2012 thực hiện 265.184.320.835 đồng, so kế hoạch NQDIHDCĐ đạt: 96,2%, so kế hoạch điều chỉnh năm 2012 đạt: 104%. Lợi nhuận so so kế hoạch NQDIHDCĐ đạt: 24 %, so kế hoạch điều chỉnh năm 2012 đạt: 121 %..

Năm 2012 tình hình tiêu thụ than Tập đoàn khó khăn, các Mỏ than tiết giảm chi phí, giảm thiết bị sửa chữa ảnh hưởng đến doanh thu sửa chữa công ty. Lắp ráp công ty giảm mạnh thực hiện: 42/120 xe bằng 35% kế hoạch, công tác thanh toán, tài chính nhiều khó

- + Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phụ tùng hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống.
- + Dịch vụ tư vấn kỹ thuật chuyên ngành ô tô.
- Địa bàn kinh doanh: Chủ yếu trên tỉnh Quảng Ninh và các cả nước (khi có yêu cầu của khách hàng)

4. Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị :

- + Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên.
- + Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên.
- + Ban Giám đốc điều hành: 01 Giám đốc Công ty điều hành chung, 01 Phó Giám đốc phụ trách sản xuất, an toàn, kỹ thuật, đời sống ; 01 Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh kinh tế ; 01 Kế toán trưởng.

+ Các phân xưởng, phòng ban: 1 phòng, 07 phân xưởng và 01 đội

- Các phòng ban Công ty:

- | | |
|---|---------------------------------|
| 1- Văn phòng | 6- Phòng An toàn – MT-CN |
| 2- Phòng Kế hoạch đầu tư và kiểm soát chi phí (KDZ) | 7- Phòng Bảo vệ - Thanh tra- KT |
| 3- Phòng Vật Tư | 8- Phòng KCS |
| 4- Phòng Tổ chức lao động - Y tế | 9- Phòng Kinh doanh tổng hợp |
| 5- Phòng Kỹ thuật | 10- Phòng Kế toán thống kê |
| | 11- Phòng ĐKSX |

- Các Phân xưởng:

- | | |
|-----------------------------------|----------------------------|
| 1- Phân xưởng Sửa chữa ô tô | 5- Phân xưởng Kết cấu |
| 2- Phân xưởng Động cơ và thủy lực | 6- Phân xưởng Lắp ráp ô tô |
| 3- Phân xưởng Cơ khí | 7- Phân xưởng Cơ điện |
| 4- Phân xưởng Khung vỏ | 8- Đội bảo hành sản phẩm |

- Công ty có 01 chi nhánh tại Hà Nội (không có công ty con) .

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của công ty: Công ty chủ yếu là lắp ráp các loại xe ô tô tải và sửa chữa các loại xe tải nặng (55-100 tấn), chế tạo phục hồi thiết bị phục vụ ngành than
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Chiến lược phát triển của Công ty chủ yếu vẫn tập trung vào việc sửa chữa xe tải nặng đại xa siêu trường siêu trọng, các loại xe trung xa, chế tạo và phục hồi các sản phẩm cơ khí phục vụ cho các công ty khai thác Mỏ. Xây dựng thương hiệu của công ty về sửa chữa, chế tạo phục hồi thiết bị cho khai thác Mỏ lộ thiên và khai thác Hàm lò nhằm mục tiêu đảm bảo chất lượng và hiệu quả.
- Trong hoạt động thực hiện công tác môi trường theo quy định, phối hợp hỗ trợ lẫn nhau hài hoà với địa phương.

II/ Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động SXKD

Năm 2012 kinh tế trong nước nhiều biến động, SXKD có nhiều yếu tố khách quan ảnh hưởng mạnh đến hoạt động SXKD công ty. Công ty thực hiện cơ bản các chỉ tiêu chính kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Doanh thu năm 2012 thực hiện 265.184.320.835 đồng, so kế hoạch NQDHĐCĐ đạt: 96,2%, so kế hoạch điều chỉnh năm 2012 đạt: 104%. Lợi nhuận so so kế hoạch NQDHĐCĐ đạt: 24 %, so kế hoạch điều chỉnh năm 2012 đạt: 121 %..

Năm 2012 tình hình tiêu thụ than Tập đoàn khó khăn, các Mỏ than tiết giảm chi phí, giảm thiết bị sửa chữa ảnh hưởng đến doanh thu sửa chữa công ty. Lắp ráp công ty giảm mạnh thực hiện: 42/120 xe bằng 35% kế hoạch, công tác thanh toán, tài chính nhiều khó

khẩn trong quá trình thực hiện. Công ty đã phải chủ động triển khai các sản phẩm phục vụ khai thác Hầm lò.

2/ Tổ chức và nhân sự

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
- Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Công ty có 01 Chi nhánh, 07 phân xưởng và 11 phòng .

+ Tóm tắt lý lịch Ban điều hành (Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng)

* Giám đốc Công ty:

+ Họ tên: **Phạm Xuân Phi**

+ Giới tính: Nam

+ Ngày tháng năm sinh: 04/ 6/ 1969

+ Quốc tịch: Việt Nam.

+ Dân tộc: Kinh.

+ Quê quán: Nam Định

+ Trú quán: Phường hồng Hà, TP Hạ Long

+ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí ô tô, Kỹ sư điện

Trình độ chính trị: Cao cấp.

+ Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: UV Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomim.

+ Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : Sở hữu cá nhân: không cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: không cổ phần.

+ Phó Giám đốc: **Lê Thanh Sơn**

Sinh ngày 15/10/1963 Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Thụy xuân, Thái Thụy, Thái bình

Trú quán: Cẩm trung, Cẩm phả, Quảng ninh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Ô tô

Trình độ chính trị: Cao cấp.

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : Sở hữu cá nhân: 1.295 cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: không cổ phần.

+ Phó Giám đốc: **Phùng Ngọc Chuân**

Sinh ngày 23/07/1957 Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Quyết tiến, Kiến xương, Thái bình

Trú quán: Cẩm thủy, Cẩm phả, Quảng ninh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy và thiết bị mỏ

Trình độ chính trị: Cao cấp

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : Sở hữu cá nhân: 1.842 cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.

+ **Kế toán trưởng:** Nguyễn Thị Đông Ngung

Sinh ngày 19/07/1958 Giới tính: Nữ

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Huyện Thủy nguyên, Hải phòng

Trú quán: Cẩm thịnh, Cẩm phả, Quảng ninh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Trình độ chính trị: Cao cấp

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : Sở hữu cá nhân: Không cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: không cổ phần.

***/ Những thay đổi chủ yếu trong năm**

Ngày 11/6/2012 đại hội đồng cổ đông bất thường:

***/ Thay thế thành viên HĐQT:**

+ Miễn nhiệm Ông Mai Huy Quỳnh – Giám đốc, chủ tịch Hội đồng quản trị
(Ông Mai Huy Quỳnh chuyển nhiệm vụ về cơ quan Tập đoàn)

+ Miễn nhiệm Ông Kuznetsov Viadimir Vaxilevich - Ủy viên HĐQT

+ Miễn nhiệm Ông Trần Thế Ninh - Ủy viên HĐQT

+ Bổ nhiệm Nguyễn Chiến Thắng – Chủ tịch Hội đồng quản trị

+ Bổ nhiệm Ông Phạm Xuân Phi - Ủy viên HĐQT, giám đốc điều hành

+ Bổ nhiệm Ông Nguyễn Anh Tuấn - Ủy viên HĐQT.

***/ Số lượng cán bộ nhân viên (thời điểm 31/12/2012):** 583 Người

3/ Tình hình thực hiện đầu tư:

+ Năm 2012 đầu tư Công ty chủ yếu là sửa chữa nội bộ nhỏ và mua các dụng cụ phục vụ cho sửa chữa, trong quá trình thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước, cấp trên và quy chế công ty về đầu tư

4/ Tình hình tài chính

a/ Tình hình tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán theo qui định của Pháp luật.

Công ty đã đăng tải Báo cáo Tài chính năm 2012 đã được kiểm toán trên trang Website của Công ty và trên 01 tờ báo tạp chí Trung ương. Công ty gửi Báo cáo tài chính đến Ủy ban Chứng khoán đúng kỳ hạn.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Hợp nhất)
NĂM 2012**

Đơn vị tính: Đồng VN

Chỉ tiêu	MS	Thuyết minh	Năm nay (31.12.2012)	Năm trước (31.12.2011)
9	10	11	12	13
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp d.vụ (50=30+40)	01	VI.25	264.097.592.355	296.085.912.079
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		264.097.592.355	296.085.912.079
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	241.856.795.299	265.018.190.813
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung	20		22.240.797.056	31.067.721.266

cấp dịch vụ (20=10-11)				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	64.666.511	99.662.409
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	3.542.870.228	5.945.600.924
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.512.551.220	5.765.613.385
8. Chi phí bán hàng	24		(734.382.564)	837.857.015
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.576.248.424	19.293.186.376
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		920.727.479	5.090.739.360
(30=20+(21-22)-(24+25))				
11. Thu nhập khác	31		1.022.061.969	640.864.418
12. Chi phí khác	32		774.789.448	491.052.306
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		247.272.521	149.812.112
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.168.000.000	5.240.551.472
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	307.519.987	1.343.966.752
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		860.480.013	3.896.584.720
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		319	1.443

*/ Bảng cân đối kế toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Hợp nhất)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng VN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31.12.2012)	Số đầu năm (01.01.2012)
1	2	3	4	5
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		81.738.403.973	106.265.710.152
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.257.037.806	6.534.857.712
1. Tiền	111	V.01	3.257.037.806	1.534.857.712
2. Các khoản tương đương tiền	112			5.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	0	0
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đ.tư ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.455.912.834	87.383.387.607
1. Phải thu khách hàng	131		55.270.456.976	86.467.513.998
2. Trả trước cho người bán	132		19.500.000	161.398.482
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	2.342.899.408	931.418.677
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(176.943.550)	(176.943.550)
IV. Hàng tồn kho	140		20.997.279.823	12.341.466.902
1. Hàng tồn kho	141	V.04	20.997.279.823	12.341.466.902
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.173.510	5.997.931
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			

3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.05		5.997.931
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		28.173.510	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		13.729.461.877	15.467.843.757
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		.	
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213	V.06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		13.232.825.651	15.467.843.757
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	12.808.180.327	15.407.360.011
- Nguyên giá	222		83.187.442.064	84.723.295.426
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(70.379.261.737)	(69.315.935.415)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	0	0
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	35.600.646	42.796.479
- Nguyên giá	228		43.175.000	43.175.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(7.574.354)	(378.521)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	389.044.678	17.687.267
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	0	0
- Nguyên giá	241		.	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13		
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		496.636.226	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	496.636.226	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		95.467.865.850	121.733.553.909

NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		67.142.016.418	93.452.871.682
I. Nợ ngắn hạn	310		67.110.945.968	91.351.055.305
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	250.000.000	21.999.127.064
2. Phải trả người bán	312		55.036.556.666	50.836.446.753
3. Người mua trả tiền trước	313			17.850.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	2.043.507.833	3.282.572.903
5. Phải trả người lao động	315		3.081.003.303	7.215.188.687
6. Chi phí phải trả	316	V.17		

7. Phải trả nội bộ	317		2.561.087.410	2.209.996.550
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	3.904.941.851	3.007.734.833
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			1.928.098.514
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		233.848.905	854.040.001
II. Nợ dài hạn	330		31.070.450	2.101.816.377
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20		1.338.615.791
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			732.130.136
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		31.070.450	31.070.450
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		28.325.849.432	28.280.682.227
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	28.325.849.432	28.280.682.227
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		27.000.000.000	27.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		733.418.350	690.394.349
2. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			93.600
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		592.431.082	590.194.278
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420			
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432	V.23		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
Tổng cộng nguồn vốn (430=300+400)	440		95.467.865.850	121.733.553.909

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31.12.2012)	Số đầu năm (01.01.2012)
1. Tài sản thuê ngoài		24		
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công, hàng viện trợ			0	664.022.219
2.1 Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			0	0
2.2 Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ khi cổ phần hoá			0	664.022.219
2.3 Vật tư, hàng hoá hàng viện trợ			0	0

3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý			0	677.550.810
5. Ngoại tệ các loại (USD)			1.200	1.200
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

*/ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Hợp nhất)
(Dạng đầy đủ - Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng VN

Chỉ tiêu	MS	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.168.000.000	5.240.551.472
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.773.586.028	4.345.525.263
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			48.659.539
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(616.602.603)	(99.662.409)
- Chi phí lãi vay	06		3.512.551.220	5.765.613.385
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08		6.837.534.645	15.300.687.250
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		29.368.445.780	(21.207.765.055)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.655.812.921)	(557.007.636)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.308.219.218)	11.723.673.478
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(496.636.226)	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3.507.265.009)	(5.764.488.831)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(415.580.812)	(1.417.571.231)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		110.000.000	425.635.000
- Tiền chi khác hoạt động kinh doanh	16		(735.410.364)	(1.566.977.075)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.197.055.935	(7.653.555.636)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(556.255.189)	(1.941.680.450)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		551.936.092	148.693.159
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			200.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		64.666.511	99.662.409
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		60.347.414	(1.493.325.750)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		86.828.900.110	96.916.191.280
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(109.916.642.965)	(82.691.024.651)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.447.480.400)	(3.240.486.206)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(24.535.223.255)	10.984.686.429
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(3.277.819.905)	1.837.825.349
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.534.857.712	4.697.032.363
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			

Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	31	• 3.257.037.806	6.534.857.712
--	----	----	-----------------	---------------

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

- Cơ cấu tài sản: (%)	
+ Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	14,38
+ Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	85,62
- Cơ cấu nguồn vốn (%)	
+ Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	70,33
+ Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	29,67
- Khả năng sinh lời: (%)	
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / doanh thu thuần	0,33
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / tổng tài sản	0,90
+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn chủ sở hữu	3,19
- Khả năng thanh toán: (lần)	
+ Khả năng thanh toán nhanh (Tổng số tiền và tương đương tiền/ tổng số nợ ngắn hạn)	0,05
+ Khả năng thanh toán hiện hành (Tổng tài sản/ tổng số nợ phải trả)	1,42

Qua một số chỉ tiêu thấy tài sản ngắn hạn của công ty chiếm 85,62% trong tổng tài sản, giảm 1,67% so đầu năm chủ yếu do nợ phải thu khách hàng giảm vì đã thu được tiền của khách hàng nhưng sản phẩm dở dang và thành phẩm tồn kho tăng lên do chưa tiêu thụ được. Tài sản dài hạn công ty tăng lên 1,86 % so đầu năm do cơ cấu nguồn vốn thay đổi. Nợ phải trả trong tổng nguồn vốn giảm 6,44% so đầu năm chủ yếu do giảm vay ngắn hạn và dài hạn Ngân hàng, Cty TNHH MTV Tài chính Than – KS Việt Nam và chi trả cho người lao động. Công ty có khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, nhưng chưa có khả năng thanh toán nhanh.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2012:

+ Tài sản ngắn hạn	81.738.403.973 đồng
+ Tài sản dài hạn	13.729.461.877 đồng

Cộng tài sản **95.467.865.850 đồng**

+ Nợ phải trả	67.142.016.418 đồng
+ Vốn chủ sở hữu	28.325.849.432 đồng

Cộng nguồn vốn **95.467.865.850 đồng**

- Cổ tức (dự kiến): 3%/năm.

5/ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ Sở hữu:

a/ Cổ phần: Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2012.

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

+ Số cổ phiếu đăng ký phát hành: 2 700 000

Trong đó: Số cổ phiếu phổ thông: 2 700 000

Số cổ phiếu ưu đãi: -

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

Số cổ phiếu phổ thông: 2 700 000

Số cổ phiếu ưu đãi: -

- Cổ tức, lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: 810.000.000 đồng

- Vốn đầu tư vốn chủ sở hữu:		
- Vốn đầu tư vốn chủ sở hữu:	Cuối năm	Đầu năm
+ Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam	9.722.270.000	9.722.270.000
+ Công ty Cổ phần kín (Cty ngoại thương Kamaz)	10.163.000.000	10.163.000.000
+ Vốn góp các cổ đông khác	7.114.730.000	7.114.730.000
Cộng	27.000.000.000	27.000.000.000
b/ Cơ cấu cổ đông:		
- Vốn đầu tư vốn chủ sở hữu:		
- Vốn đầu tư vốn chủ sở hữu:	Tỷ lệ	Ghi chú
+ Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam	36,01 %	
+ Công ty Cổ phần kín (Cty ngoại thương Kamaz)	37,64 %	
+ Vốn góp các cổ đông khác	26,35 %	
Cộng	100 %	

III/ Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2012 hoạt động sản xuất kinh doanh công ty trong điều kiện gặp rất nhiều khó khăn, nhiều biến động. Trong năm các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu về doanh thu, thu nhập bình quân của người lao động, lợi nhuận trước thuế Công ty đạt và vượt so với kế hoạch điều chỉnh, nhưng so với kế hoạch đầu năm thì các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, cổ tức đều không đạt. So với kế hoạch đầu năm sản lượng xe lắp ráp đạt 42/120 xe, sản lượng sửa chữa xe đại xa giảm 14 xe, giá trị doanh thu giảm do sản lượng giảm trên 45 tỷ đồng, thiếu việc. Nhưng được sự hỗ trợ của Tập đoàn, sự cố gắng nỗ lực đoàn kết của tập thể CBCNV, Công ty đã thực hiện được các mục tiêu lớn đề ra: sản xuất kinh doanh đảm bảo an toàn cho người và tài sản; đạt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh; duy trì việc làm và thu nhập người lao động.

Những tiến bộ công ty đạt được: Quản trị kinh doanh của công ty đã có nhiều cải tiến, các hoạt động quản lý ngày càng có tiến bộ, hoạt động có nề nếp, chất lượng sản phẩm ổn định hơn. Công ty đã sắp xếp tinh giảm bộ máy, có kế hoạch thu hút nhân tài để phát triển Doanh nghiệp; Công ty ban hành các quy chế quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Công ty. Rà soát ban hành các định mức vật tư, kinh tế kỹ thuật và tăng cường kiểm tra kiểm soát, xiết chặt công tác tổ chức, công tác điều hành quản lý chung và công tác điều hành quản lý trực tiếp tại phân xưởng và các phòng ban nghiệp vụ. Gắn kỹ luật lao động với sản phẩm, coi trọng và từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả của từng khâu từng công việc, nhiệm vụ để nâng cao hiệu quả sản xuất.

2. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Đầu tư phát triển nguồn nhân lực để ổn định sản xuất lâu dài của Công ty.
- Đầu tư đổi mới công nghệ phát triển thêm sản phẩm mới phục vụ cho khai thác Mỏ

Hầm lò

3. Kiểm toán độc lập.

- Đơn vị kiểm toán độc lập.

+ Tên công ty kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán KR ESTON ACA Việt Nam,
+ Trụ sở chính: P.1401, toà nhà 17T5/B1, Trung Hoà - Nhân chính – Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Cơ sở của ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có những sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và

các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành, đánh giá các nguy ên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc ừng nh u đ đánh giá về trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Kiểm toán nội bộ

Công ty có phòng Bảo vệ - Thanh tra - Kiểm toán nội bộ làm nhiệm vụ giúp Giám đốc kiểm tra hoạt động nghiệp vụ kế toán tài chính, ngoài ra còn phối hợp với bộ phận kế toán thường xuyên kiểm tra đưa các hoạt động nghiệp vụ vào nề nếp.

IV Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty.

Hoạt động của HĐQT công ty cổ phần công nghiệp ô tô - Vinacomina đã tuân thủ đúng pháp luật, điều lệ của Công ty khi thực hiện nhiệm vụ của mình. Các nghị quyết của HĐQT đã ban hành kịp thời, giúp cho việc quản lý, chỉ đạo, điều hành SXKD của Công ty năm 2012 đạt kết quả.

Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong công ty có nhiều nỗ lực để hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã giao, mặc dù trong quá trình thực hiện nhiệm vụ công ty gặp không ít khó khăn nhưng Ban Giám đốc và cán bộ quản lý khác công ty vẫn cố gắng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012. Hội đồng quản trị công ty đưa ra phương hướng nhiệm vụ của HĐQT năm 2013 như sau:

+/ Tiếp tục rà soát, sửa đổi và bổ sung các quy chế quản lý theo đúng quy định của Nhà nước và pháp luật. Xem xét sắp xếp hoàn thiện cơ cấu tổ chức sản xuất cho phù hợp với tình hình sản xuất của Công ty.

+/ Hàng tháng, quý xem xét kết quả thực hiện và kế hoạch tháng tiếp theo để đưa ra các chương trình trọng tâm và giao cho ban giám đốc tổ chức triển khai thực hiện.

+/ Tăng cường công tác quản trị hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với thị trường, nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013.

+/ Xem xét các hạng mục đầu tư cần thiết để triển khai phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, sử dụng vốn có hiệu quả.

+/ Phối hợp chặt chẽ với ban điều hành, các tổ chức chính trị trong công ty, phát huy sức mạnh tổng hợp vì sự phát triển của Công ty.

V/ Quản trị công ty

1/ Hội đồng Quản trị

1. Ông Nguyễn Chiến Thắng: Chủ tịch HĐQT

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 972.227 cổ phần = 36%

2. Ông Phạm Xuân Phi : Ủy viên HĐQT - Giám đốc điều hành

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: không cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không
- 3. Ông Phùng Ngọc Chuân: Ủy viên HĐQT – Phó giám đốc, CTCD Công ty.
Số cổ phần đang nắm giữ:
Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 1.842 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không
- 4. Ông Nguyễn Anh Tuấn : Ủy viên HĐQT .
Số cổ phần đang nắm giữ:
Trong đó : - Sở hữu cá nhân: không cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không
- 5. Ông Tsyganov vasily vitalievich: Ủy viên HĐQT
Số cổ phần đang nắm giữ:
Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 1.016.300 cổ phần = 37,64%
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

* Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

1. Ông Nguyễn Chiến Thắng: Chủ tịch HĐQT
2. Ông Nguyễn Anh Tuấn : Ủy viên HĐQT
3. Ông Tsyganov vasily vitalievich: Ủy viên HĐQT

* Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

+ Ngay sau Đại hội, Hội đồng quản trị đã họp triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết thường kỳ trong năm trên cơ sở cụ thể hoá nhiệm vụ năm kế hoạch 2012. Ban hành 09 Nghị quyết, ra các quyết định phục vụ sản xuất của công ty.

+ Giao chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch năm cho Ban Giám đốc, củng cố kiện toàn bộ máy lãnh đạo quản lý từ Công ty đến các phòng, phân xưởng.

+ Đình kỳ hàng quý họp giải quyết tồn đọng, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc và các giải pháp tổ chức, triển khai thực hiện và điều hành quản lý.

2/ Ban Kiểm soát

1. Ông Bùi Hoàng Việt: Trưởng ban kiểm soát.

+ Số cổ phần đang nắm giữ:

+ Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 100 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

2. Ông Nguyễn Văn Học: Ủy viên Ban kiểm soát

+ Số cổ phần đang nắm giữ:

+ Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 4.040 cổ phần
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

3. Ông Hồ Anh Tuấn: Ủy viên Ban kiểm soát

+ Số cổ phần đang nắm giữ:

+ Trong đó : - Sở hữu cá nhân: không
- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

*/ Hoạt động của BKS.

Trong năm 2012, BKS đã thực hiện tốt chức năng của mình, như: giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty,

báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

c/ Thu lao HĐQT và BKS

- Thu lao trả cho từng thành viên HĐQT và ban kiểm soát do Đại hội đồng quyết định hàng năm và số tiền chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT và ban kiểm soát đều được công bố trước Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần / vốn góp của HĐQT = 73,72 %/ vốn góp.

- Thông tin về giao dịch cổ phiếu

- Cổ phiếu của Công ty được lưu ký tại Công ty cổ phần Chứng khoán Tràng An.

3. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

- Cổ đông góp vốn Nhà nước:

Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt nam: 36.01%

Địa chỉ: Số 226, Lê Duẩn, Đống đa, Hà nội

2.2 Cổ đông sáng lập:

a/ Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt nam:

Số cổ phần: 972 227 = 36.01%

Địa chỉ: Số 226, Lê Duẩn, Đống đa, Hà nội

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 5700100256 cấp ngày 19/2/1994

Người đại diện quản lý phần vốn: Ông Nguyễn Chiến Thắng

b/ Công ty cổ phần kín “Công ty ngoại thương Kamaz:

Số cổ phần: 1 016 300 = 37.64%

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 1021602027622

Địa chỉ: Số 4, Rubanenco, TP Nabereznuri, Tatarstan, Liên bang Nga

c/ Cổ đông cá nhân

Ông Mai Huy Quỳnh:

Số cổ phần: 1 340 = 0.05%

Số CMND: 013345445 cấp ngày 11/9/2010 do Công an TP Hà Nội cấp

Trú quán: Phú diễn – Từ Liêm - TP Hà Nội Quảng ninh

2.3 Cổ đông vốn góp nước ngoài

+ Công ty cổ phần kín “Công ty ngoại thương Kamaz”:


Số cổ phần: 1 016 300 = 37.64%

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 1021602027622

Địa chỉ: Số 4, Rubanenco, TP Nabereznuri, Tatarstan, Liên bang Nga

Người đại diện quản lý phần vốn: Ông Tsyganov vasily Vitalievich

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2012 của Công ty cổ phần Công Nghiệp Ôtô-Vinacomin xin được trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cùng toàn thể cổ đông Công ty.

Trân trọng./ 

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Các cổ đông Công ty;
- Lưu VP, HĐQT, Website Công ty.

GIÁM ĐỐC 

Phạm Xuân Phi